

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 07-05-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,102,100,000	99.17%
1	BMP	100	1.30%
2	BSI	100	0.40%
3	BWE	100	0.47%
4	CII	1,000	1.16%
5	CMG	200	0.60%
6	CTD	100	0.72%
7	CTR	100	0.80%
8	DBC	500	1.24%
9	DCM	300	0.91%
10	DGC	500	4.20%
11	DGW	300	0.90%
12	DIG	1,000	1.38%
13	DPM	400	1.21%
14	DSE	300	0.58%
15	DXG	1,600	2.20%
16	EIB	3,300	5.64%
17	EVF	1,600	1.39%
18	FRT	200	3.09%
19	FTS	400	1.37%
20	GEX	1,400	3.60%
21	GMD	800	3.83%
22	HAG	1,000	1.15%
23	HCM	800	1.84%
24	HDC	300	0.60%
25	HDG	400	0.86%
26	HHV	800	0.87%
27	HSG	1,100	1.43%
28	KBC	1,100	2.33%
29	KDC	300	1.52%
30	KDH	1,300	3.17%
31	MSB	4,900	4.96%
32	NAB	2,500	3.87%
33	NKG	800	0.87%
34	NLG	600	1.55%
35	NT2	200	0.33%
36	OCB	3,100	2.91%
37	PAN	300	0.62%
38	PC1	600	1.15%
39	PDR	900	1.31%
40	PHR	100	0.40%
41	PNJ	600	3.97%
42	POW	1,200	1.32%
43	PTB	100	0.45%
44	PVD	600	0.97%
45	PVT	400	0.78%
46	REE	300	1.88%
47	SBT	1,000	1.51%
48	SCS	100	0.54%
49	SIP	200	1.18%
50	SJS	200	1.63%
51	SZC	200	0.55%
52	TCH	800	1.24%
53	VCG	700	1.35%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
54	VCI	900	3.00%
55	VGC	100	0.36%
56	VHC	200	0.93%
57	VIX	2,900	3.21%
58	VND	2,400	3.16%
59	VPI	300	1.37%
60	VTP	100	1.03%
II.	Tiền/ Cash (VND)	9,273,915	0.83%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,111,373,915	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,102,100,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,111,373,915

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 9,273,915

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
OCB	11,495	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	80,960	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	76,670	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
HCM	28,050	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	25,355	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	40,700	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 07-05-2025	Kỳ trước/Last period (**) 06-05-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,400,000	28,400,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	10,720	11,100	-380
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	315,630,191.905	316,364,300.779	-734,108,874
của một lô ETF/per Creation Unit	1,111.373.915	1,113.958.805	-2,584,890
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,113.73	11,139.58	-25.85
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,799.87	1,788.94	10.93

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 06/05/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 06/05/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 05/05/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 05/05/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 08/05/2025